

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 5- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tuấn; Ông Nguyễn Quang Hợp.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Thư ký

Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Lã Thị Tiến -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 251/2021/TLST - HNGĐ, ngày 23/12/2021 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 15/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm L, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Xóm P, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày: Tôi và chị Nguyễn Thị H kết hôn năm 2006, trước khi cưới có được tìm hiểu lấy nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới, tôi và chị H về sống tại xã H, huyện Đại Từ gia đình nhà bố mẹ đẻ tôi. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H nghi ngờ tôi có quan hệ ngoại tình với đồng nghiệp cùng cơ quan, vợ chồng có xảy ra cãi chửi nhau nhiều lần xung quanh việc nghi ngờ tôi có quan hệ ngoại tình, nhiều lúc tôi bức xúc tôi đã tự hủy hoại tài sản của mình, chị H còn răn vặt tôi nhiều lần. Tôi nhiều lần bức xúc đã yêu cầu chị H mang đồ đạc ra ngoài nhà ngoài ở xóm P, xã T sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2021 tới nay và chấm dứt mọi quan hệ. Đến nay, tôi xác định cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn. Tôi không có phương án

nào để vợ chồng đoàn tụ với nhau, vì tôi và chị H ai cũng xác định mình đều đúng cả, chúng tôi không có tiếng nói chung và bất đồng quan điểm sống.

- Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung:

1. Trần Minh H, sinh ngày 21/01/2008

2. Trần Minh H, sinh ngày 14/01/2011.

Hiện các cháu đang ở với chị Hương tại xã T, huyện Đại Từ. Hiện tại các con của tôi đang học tại trường ở thị trấn H, huyện Đại Từ. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, tôi không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại công việc của tôi đang làm giáo viên trường THPT Nguyễn Huệ. Thu nhập hàng tháng theo bảng lương của tôi là trên 9.400.000 đồng/01 tháng, với thu nhập như trên tôi đảm bảo việc nuôi các con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng có 01 nhà xây 3 tầng trên đất của bố mẹ tôi đã cho hai vợ chồng, đất đã có Giấy CNQSD đất mang tên hai vợ chồng. Đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, 01 xe máy honda AIR Blade BKS 20A - 130.14, đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị H. Về phần tài sản chung tôi không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, tài sản cho vay chung: Không có.

Lời khai của bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Tôi và anh H kết hôn năm 2006, trước khi cưới có được tìm hiểu lấy nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới, tôi về nhà anh H làm dâu và vợ chồng về sống tại xã H, huyện Đại Từ, không ai có tài sản riêng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H cho rằng tôi nghi ngờ anh H có quan hệ ngoại tình và răn vặt anh H. Ngoài ra, vợ chồng tôi không còn có mâu thuẫn gì khác. Trong năm 2021 anh H đã làm đơn ra Tòa án nhân dân huyện Đại Từ yêu cầu giải quyết cho vợ chồng tôi ly hôn. Tôi có được hòa giải viên triệu tập lên làm việc, tại buổi làm việc thì giữa tôi và anh H có cam kết là tôi không về trong nhà nội và không vô cớ răn vặt anh H. Tôi có thực hiện các cam kết trên, tuy nhiên tôi không hiểu lý do gì mà anh H lại tiếp tục đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với tôi. Từ ngày 09/6/2021 anh H nói với tôi và các con là ba mẹ con ở ngoài nhà ở xã T, còn anh H vào H để chăm sóc ông bà nội. Ngày 04/01/2022 thì anh H có ra nói với tôi là anh đã làm đơn ly hôn với tôi. Tôi xác định vợ chồng tôi không sống ly thân từ ngày 09/6/2021 tới nay như lời anh H nói. Vì vợ chồng tôi vẫn đưa con cái về thăm ông bà nội. Anh H vẫn ra ngoài nhà ở xã T để đưa đón con. Tôi xác định vợ chồng tôi vẫn còn tình cảm với nhau, tôi đề nghị Tòa án cho vợ chồng tôi thời gian, để vợ chồng tôi tự suy nghĩ lại về cuộc sống chung, đồng thời để tôi có thời gian thuyết phục anh H rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ. Trường hợp anh H cương quyết xin ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn. Tôi đề nghị Tòa án cho tôi thời gian để tôi về nhà nói chuyện với ông bà nội, nói chuyện với chồng tôi với nội dung là xin chuyển ba mẹ con về sống cùng chồng và ông bà nội tại xã H. Trường hợp 2, tôi đề nghị với anh H là vợ chồng sẽ về ở cùng với nhau một thời gian để chứng minh việc tôi không có thái độ răn vặt, ghen tuông hay tạo áp lực cho chồng tôi. Nếu anh H vẫn cương quyết ly hôn, việc

tôi thuyết phục vợ chồng về đoàn tụ không có kết quả thì tôi vẫn không nhất trí ly hôn. Tôi đề nghị Tòa án xem xét theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung:

- Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung:

1. Trần Minh H, sinh ngày 21/01/2008

2. Trần Minh H, sinh ngày 14/01/2011.

Hiện các cháu đang ở với tôi tại xã T, huyện Đại Từ, hiện tại các con của tôi đang học tại trường ở thị trấn H, huyện Đại Từ. Trường hợp phải giải quyết ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, tôi không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại công việc của tôi đang làm giáo viên trường THPT Nguyễn Huệ. Thu nhập hàng tháng theo bảng lương của tôi là trên 8.000.000 đồng/ 01 tháng. Thu nhập dạy thêm bên ngoài, thu nhập khác được khoảng 3.000.000 đồng. Với thu nhập như trên tôi đảm bảo việc nuôi các con chung. Tôi và các con tôi sẽ sống tại tập thể nhà trường THPT Nguyễn Huệ.

- Về tài sản chung của vợ chồng có 01 nhà xây 3 tầng trên đất của bố mẹ anh H đã cho hai vợ chồng, đất đã có Giấy CNQSD đất mang tên hai vợ chồng. Đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, 01 xe máy honda AIR Blade BKS 20A - 130.14, đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị H. Về phần tài sản chung tôi không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về khoản cho vay chung: Không có.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn anh H giao nộp gồm: 01 Trích lục kết hôn của Nguyễn Thị H và Trần Văn H (bản sao); 02 Giấy khai sinh (bản sao) mang tên Trần Minh H và Trần Minh H; 01 Giấy chứng minh nhân dân của Trần Văn H (bản sao); 01 Sổ hộ khẩu chủ hộ Trần Đ (bản sao); 01 Bảng thanh toán tiền lương tháng 02/2022 của Trần Văn H; Chị H không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa ngày 20/4/2022 chị H đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để tiến hành xác minh tại Ban giám hiệu Trường THPT Nguyễn Huệ và Công đoàn Trường trung học phổ thông Nguyễn Huệ; xác minh tại gia đình bố mẹ để chị H là ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị C để làm rõ việc chị H có ghen tuông, nghi ngờ anh H ngoại tình và chị H có rạn vỡ anh H không? Phía anh H và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ cũng nhất trí đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ các nội dung trên.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị xin ly hôn, về con chung anh đề nghị xin được quyền trực tiếp nuôi con chung Trần Minh H, sinh ngày 14/01/2011 và đề nghị giao con chung Trần Minh H, sinh ngày 21/01/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh không đề nghị Tòa án xem xét. Về tài sản chung anh không đề nghị Tòa án xem xét, về nợ chung, tài sản cho vay không có. Phía chị H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị không nhất trí ly hôn, tuy nhiên chị không có phương án nào hòa giải để thuyết phục anh H về đoàn tụ. Về con chung trường hợp buộc ly hôn chị có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi cả hai con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị không đề nghị Tòa

án xem xét. Về tài sản chung chị không đề nghị Tòa án xem xét, về nợ chung, tài sản cho vay không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 28, 143 và Điều 147 của BLTTDS; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị tuyên xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H, cho anh Hải được ly hôn với chị Nguyễn Thị H

+ Về con chung: Giao con chung Trần Minh H, sinh ngày 21/01/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Trần Minh H, sinh ngày 14/01/2011 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không đề nghị xem xét. Về quyền thăm nom con chung: Anh H, chị H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

+ Về tài sản: Không xem xét.

+ Về án phí: Anh Hải phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án nên phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến của các đương sự, của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chị Nguyễn Thị Hg hiện đang sinh sống tại xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định pháp luật nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn phía anh H xác định do chị H nghi ngờ anh có quan hệ ngoại tình với

đồng nghiệp cùng cơ quan, vợ chồng có xảy ra cãi chửi nhau nhiều lần xung quanh việc nghi ngờ anh có quan hệ ngoại tình, anh H đã nhiều lần bức xúc và đã tự hủy hoại tài sản của mình, chị H còn răn vặt anh nhiều lần. Anh H nhiều lần bức xúc đã yêu cầu chị H mang đồ đạc ra ngoài nhà ngoài ở xóm P, xã T sống, anh H cho rằng từ tháng 6/2021 anh đã sống cùng bố mẹ đẻ anh tại xã H, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, tại phiên tòa anh vẫn giữ nguyên quan điểm. Phía chị H xác định nguyên nhân mâu thuẫn do anh H cho rằng chị nghi ngờ anh H có quan hệ ngoại tình và răn vặt anh H. Ngoài ra, vợ chồng chị không còn có mâu thuẫn gì khác. Trong năm 2021 thì anh H đã làm đơn ra Tòa án nhân dân huyện Đại Từ yêu cầu giải quyết cho vợ chồng tôi ly hôn. Chị H có được hòa giải viên triệu tập lên làm việc, tại buổi làm việc thì giữa chị và anh H có cam kết là chị H không về trong nhà nội và không vô cớ răn vặt anh H. Tuy nhiên anh H tiếp tục làm đơn xin ly hôn. Anh H bảo chị H và các con là chị và hai con ở ngoài nhà ở xã T, còn anh H vào H để chăm sóc ông bà nội, tuy nhiên chị không có tài liệu nào để chứng minh. Ngoài ra, thì chị H cho rằng vợ chồng không có bất kỳ mâu thuẫn nào khác, tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên quan điểm việc xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị không nhất trí ly hôn.

Quá trình xét xử, Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa để xác minh, làm rõ mâu thuẫn vợ chồng để có căn cứ xem xét yêu cầu khởi kiện. Tại biên bản xác minh ngày 26/4/2022 của Tòa án đối với Ban giám hiệu và Công đoàn trường THPT Nguyễn Huệ thì đại diện ban giám hiệu trường và đại diện Công đoàn trường cho biết: Chị H từng có ý kiến với Ban giám hiệu nhà trường việc xin thay đổi lịch công tác của anh Hải do chị là không muốn anh H và chị Tú cùng dạy một lớp. Ban giám hiệu đã làm việc với cả chị H, anh H và yêu cầu chị H nêu rõ lý do xin thay đổi lịch phân công công việc của trường. Về mối quan hệ giữa anh H và chị T chỉ là quan hệ đồng nghiệp, không có quan hệ nào trên mức đồng nghiệp. Anh H cũng có chia sẻ với ban giám hiệu là đưa chị H ra cửa hàng Viettel để kiểm tra điện thoại của anh H. Đồng thời Ban giám hiệu trường THPT Nguyễn Huệ có cung cấp cho Tòa án 01 Biên bản có nội dung gặp mặt, trao đổi và hòa giải cho hai vợ chồng đồng chí Trần Văn H và Nguyễn Thị H nội dung biên bản có thể hiện chị H có mối nghi ngờ rằng anh H có mối quan hệ không đúng mực với chị T (là giáo viên cùng trường).

Tại biên bản làm việc với bà Lê Thị C (mẹ đẻ chị H) vào ngày 13/5/2022, bà C cho biết: Bà C có biết việc anh H đã 3 lần đánh chị H, tuy nhiên bà vẫn để vợ chồng anh H, chị H tự giải quyết với nhau. Phía bà C cho rằng việc anh H đánh chị H 3 lần là không thể chấp nhận được vì anh H là giáo viên. Đồng thời trong khoảng 2 năm trở lại đây thì anh H không xuống gia đình nhà bố mẹ vợ để chơi hay hỏi thăm. Tại biên bản làm việc với bà Nguyễn Thị Đ là mẹ đẻ anh H thì bà Đ cho biết: Thời gian đầu vợ chồng chị H, anh H sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến thời gian chị H, anh H sống tại nhà riêng tại xóm P, xã T thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Bà Đ nhiều lần chứng kiến việc anh H, chị H cãi cọ nhau lúc nửa đêm khi ở tại gia đình nhà bà Đ. Từ tháng 5/2021 thì anh H đã về ở hẳn với vợ chồng

bà Đ tại xóm L, xã H, trong khoảng thời gian này thì chị H cũng thi thoảng vào chơi, tuy nhiên khi vào chơi thì chị H, anh H lại xảy ra cãi chửi nhau. Hiện anh H chỉ còn quan tâm đến con chung, chứ không còn quan tâm gì đến chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa anh H và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau từ tháng 6/2021 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ, hơn nữa tại phiên tòa phía chị H cũng thừa nhận chị có 01 lần gây áp lực cho anh H việc nhà trường THPT Nguyễn Huệ phân công công tác đối với anh H. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..., do đó xét đề nghị xin ly hôn của anh H là có căn cứ cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị của anh H, cho anh Trần Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị H là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết cả anh H và chị H đều xác định vợ chồng có 02 con chung:

1. Trần Minh H, sinh ngày 21/01/2008
2. Trần Minh H, sinh ngày 14/01/2011

Hiện nay các cháu H, H đang sinh sống cùng với chị H tại xã Tiên Hội, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình giải quyết, khi ly hôn anh H có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi cả hai con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, do hiện nay anh đang làm giáo viên tại Trường THPT Nguyễn Huệ, thu nhập 9.400.000 đ/ 01 tháng đủ điều kiện để nuôi dạy con chung, anh cung cấp bằng lương cho Tòa án làm căn cứ, tại phiên tòa anh xin thay đổi quan điểm anh đề nghị được quyền nuôi 01 con chung cháu Trần Minh H, do cháu còn nhỏ, anh đề nghị giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Phía chị H trong quá trình giải quyết, chị có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi cả hai con chung, chị không yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị cho biết hiện nay chị đang làm giáo viên tại Trường THPT Nguyễn Huệ, thu nhập khoảng 8.000.000 đ/ 01 tháng, ngoài ra chị còn làm thêm thu nhập ngoài khoảng 3.000.000 đ/ 01 tháng, tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin được quyền trực tiếp nuôi cả hai con chung, tuy nhiên chị trình bày hiện nay thu nhập của chị chỉ dựa vào lương, chị không dạy thêm và không có thu nhập ngoài lương.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh H và chị H đều có công việc và thu nhập ổn định, anh chị đang là giáo viên Trường THPT Nguyễn Huệ, anh H đang sinh sống cùng bố mẹ tại xã H, huyện Đại Từ, còn chị H đang sinh sống tại xã T, huyện Đại Từ. Xét nguyện vọng của các con cháu H, H đều có nguyện vọng xin ở cùng với cả bố và mẹ, tuy nhiên để đảm bảo việc trông nom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, để đảm bảo sự phát triển toàn diện về mọi mặt của con chung, xét đề nghị của anh H là phù hợp nên cần giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh H và giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh H là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Anh H, chị H có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản: Quá trình giải quyết cả anh H và chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Anh H, chị H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 143 và Điều 147 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H, cho anh H được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Minh H, sinh ngày 21/01/2008 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) và giao con chung Trần Minh H, sinh ngày 14/01/2011 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp anh Hải, chị H có thỏa thuận khác hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Anh H, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí. Anh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003835, ngày 23/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho anh H, chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- T/ báo cho UBND xã H;
- Lưu hồ sơ + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Ngọc Hải